

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **159/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-8-2025

“V/v Tranh chấp về Ly hôn, yêu
cầu nuôi con và cấp dưỡng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc

Ông Nguyễn Hiếu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ, ngày 25/3/2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Bé T, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Châu Thành, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp Châu Thành, xã Định Hòa, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trương Hoàng G, sinh năm 1993. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Châu Thành, xã Thủy Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Nay là: ấp Châu Thành, xã Định Hòa, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1/- Chị Thị T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp A, xã G, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2/- Chị Thị P, sinh năm 1986. Địa chỉ: tổ H, khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Nay là: khu phố M, xã C, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

3/- Bà Thị M, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp A, xã G, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/3/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Bé T trình bày:

Vào năm 2015 chị và anh Trương Hoàng G có tình cảm với nhau khoảng 2 tháng, sau đó cả hai tiến tới tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2015 tại UBND xã T, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới, thời gian đầu chị và anh G chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, nguyên nhân do anh G có quen người khác, bỏ bê không chăm lo cho vợ con, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được và bị anh G mắng chửi và đánh. Mâu thuẫn kéo dài cho đến tháng 10/2024 thì trở nên gay gắt hơn nên chị dẫn theo hai con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị xét thấy chung sống với anh G không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Trương Hoàng G có 02 con chung tên là Trương Hoàng A (giới tính nam), sinh ngày 14/12/2015 và Trương Hoàng E (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2018, hiện nay hai cháu đang sống cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành và chị yêu cầu anh G phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000đ (mỗi đứa con là 1.000.000đồng/tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi, chị cam kết đảm bảo quyền thăm nom chăm sóc con cho anh Trương Hoàng G theo luật định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoàng G; Về con chung, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng đối với hai con là 2.000.000đ/tháng; Về tài sản chung, nợ chung chị T xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và cam kết vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản khai của đương sự ngày 16/4/2025 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Trương Hoàng G hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Anh G thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân bắt nguồn từ việc gây gổ, cãi nhau, không có tiếng nói chung. Anh có nhiều lần khuyên nhủ nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, anh không có bạo hành với chị T nhưng đến tháng 10/2024 thì chị T dẫn hai con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay; Nay chị T xin ly hôn thì anh thống nhất ly hôn. Đồng thời anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng A sinh ngày 14/12/2015 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý giao cháu Trương Hoàng E sinh ngày 17/4/2018 cho chị T nuôi dưỡng. Trường hợp chị T giành quyền nuôi hai con thì anh không đồng ý cấp dưỡng, anh sẽ cho riêng bên ngoài, tức là có bao nhiêu sẽ cho bấy nhiêu.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2025 của chị Thị T1 trình bày: Việc giữa chị Thị Bé T, anh Trương Hoàng G đang làm thủ tục ly hôn thì tôi không biết; do thấy chị T này đang nuôi hai con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên tôi có thuê chị T vào làm tại quán ăn T2, việc buôn bán là liên tục, tiền công hàng tháng tôi trả cho chị T là 5.000.000đ; chị T làm tại quán này từ tết cho đến nay, trong quá trình làm tại quán của tôi thì tôi không thấy chồng chị T đến đưa rước vợ con. Ngoài ra thì tôi không còn trình bày gì thêm.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2025 của chị Thị P trình bày: Việc giữa chị Thị Bé T, anh Trương Hoàng G đang làm thủ tục ly hôn thì tôi không biết; do thấy chị T đang nuôi hai con nhỏ, hoàn cảnh khó khăn nên hàng tháng tôi có cho thêm T 2.000.000đ để nuôi con; việc chị T và anh G mâu thuẫn như thế nào thì trước đây không biết; sau khi ly hôn thì chị T có nói cho nghe, do anh G không quan tâm vợ con, xua đuổi đi nên chị T mới bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 10/2024 cho đến nay. Việc tôi cho tiền chị T là tự nguyện, không ai ép buộc, do thấy em cháu nó khổ quá nên giúp đỡ. Ngoài ra thì tôi không còn trình bày gì thêm.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2025 của bà Thị M trình bày: Vào năm 2015 gia đình có tổ chức lễ cưới cho con tôi (Thị Bé T) và anh G và có đăng ký kết hôn; sau khi cưới thì ở bên nhà tôi một thời gian thì sanh đứa lớn, được 01 đứa thì hai đứa cãi nhau, sau đó cả hai dọn về nhà chồng ở được một thời gian ngắn thì tự cắt cái chòi ở trong vườn (ra riêng), ở được một thời gian thì lại xảy ra cãi nhau. Tôi nhớ có lần 19 hay 20 giờ tối tôi thấy con tôi đi về, trời đang mưa; tôi mới hỏi thì Bé T nói bị anh G đuổi đi, tôi hỏi thì Bé T nói anh G làm mà không lo vợ con từ chén manh áo; bỏ bê không lo lắng gia đình; tôi có khuyên mà hai đứa vẫn mâu thuẫn. Đến nay hai đứa đã sống ly thân từ tháng 10/2024, trong thời gian đó anh G có qua nhà 1 lần thăm con; khi qua thăm thì G đã say sấn, do say sấn nên tôi không cho vô nhà, đến nay thì không còn qua nữa, con học ra sau cũng không quan tâm.

Giữa anh G và chị T chung sống thì không có tạo lập ra tài sản gì, về nợ nần thì không nghe thấy. Anh G và chị T chung sống có được 02 con nhỏ tên là tên là Trương Hoàng A (giới tính nam), sinh ngày 14/12/2015 và Trương Hoàng E (giới tính nam), sinh ngày 17/4/2018, hiện nay cháu đang ở cùng với chị T và gia đình tôi. Tôi cũng có nguyện vọng được xem xét giải quyết cho chị T được nuôi hai con nhỏ, do anh G chưa có việc làm ổn định; anh G có đến thăm con, rước con về nhà nội chơi thì tôi không có cấm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, 58 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G; Về con chung: Giao hai cháu Trương Hoàng A, sinh ngày 14/12/2015 và Trương Hoàng E, sinh ngày 17/4/2018 cho chị Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Áp dụng khoản 2,

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thị Bé T về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Bé T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Hoàng G được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Trương Hoàng G với tư cách là bị đơn trong vụ án; chị Thị T1, Thị P và bà Thị M với tư cách là người làm chứng trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử và có đơn xin vắng mặt; Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 229 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị T1, chị P và bà M theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015 quyền số 01/2015 ngày 04/3/2015, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải chị T và anh G đã thống nhất ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G.

[3] Về con chung: Chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là Trương Hoàng A, sinh ngày 14/12/2015 và Trương Hoàng E, sinh ngày 17/4/2018. Hai cháu hiện nay đang sống cùng với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng đối với hai con là 2.000.000đ/tháng; cháu Hoàng A và cháu Hoàng E cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng chị T.

Đối với anh G có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng A, sinh ngày 14/12/2015. Anh G đồng ý giao cháu Trương Hoàng E, sinh ngày 17/4/2018 cho chị T tiếp tục nuôi. Trường hợp chị T giành quyền nuôi hai con thì anh không đồng ý cấp dưỡng, anh sẽ cho riêng bên ngoài, tức là có bao nhiêu sẽ cho bấy nhiêu.

Xét yêu cầu của chị T và anh G thì chủ yếu mâu thuẫn nhau ở số tiền cấp dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị T đã rút yêu cầu cấp dưỡng, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Thêm vào đó, cả hai cháu từ nhỏ cho đến nay đã sống cùng nhau, lớn lên có anh có em nếu giao cho hai anh chị nuôi sẽ làm chia rẽ hai cháu. Từ khi ly thân đến nay hai cháu sống với chị T được chăm sóc và phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Hơn nữa, cả hai cháu đều có

nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống cùng với mẹ. Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo nguyện vọng của cháu Trương Hoàng A, Trương Hoàng E. HĐXX xem xét nên giao cháu Trương Hoàng A và Trương Hoàng E cho chị T tiếp tục nuôi là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung với nhau và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 58 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 228, 229 và khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Bé T và anh Trương Hoàng G.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trương Hoàng A, sinh ngày 14/12/2015 và Trương Hoàng E, sinh ngày 17/4/2018 cho chị Thị Bé T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thị Bé T về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh G thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị Bé T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014833, ngày 25/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5). Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/8/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM- TAND tỉnh; THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA-** *VKSND khu vực 5;*

- Phòng THADS khu vực 5;

- UBND xã Định Hòa;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập